

CÔNG TY KHO VẠN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 8 THÁNG 7 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	TỔNG CỘNG						503 020	104 737	373 133			
I	CẢNG CHÍNH						151 852	15 195	136 657			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						10 470	10 247	223			
1	NHÒM ĐẮK NÔNG	04/7	1704/7	14/7	THANH BÌNH 68	CÁM 5A.1	4 200	4 096	104	7/7	HỘ LỚN	
2						CỤC 4A.2	2 500	2 405	95	7/7	HỘ LỚN	
3	KDT HẢI PHÒNG	03/7	1692/7	13/7	HP 4854	CÁM 5A.1	1 350	1 336	14	7/7	PTCB	
4	CP HELEN VIỆT ANH	06/7	1712/7	13/7	HN 2028	CỤC 4A.1	700	692	8	7/7	TD	
5	VTT	02/7	1653/6	09/7	BN 2840	CÁM 4B.1	1 720	1 718	2	7/7	TD	GIA HẠN L1
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						31 688	4 947	26 741			
1	ĐIỆN VĨNH TẤN 2	01/7	441-B/6		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 350	3 790	23 560	RÓT DỖ	HỘ LỚN	THAY 441/6
2	ĐẠM HẢ BẮC	06/7	447/7	16/7	QN 4320	CÁM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỚN	
3	KDT HẢI PHÒNG	03/7	1697/7	13/7	BN 2158	CÁM 5A.1	1 538	797	741	RÓT DỖ	PTCB	
4	DVVT QN	05/7	1710/7	12/7	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 100	360	740	RÓT DỖ	TD	
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						109 694		109 694			
1	ĐIỆN VŨNG ÁNG	29/6	432/6		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	
2	ĐẠM HẢ BẮC	02/7	445/7	11/7	QN 4114	CÁM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỚN	
3	ĐIỆN VĨNH TẤN 1	06/7	449/7		VIỆ THUẬN 30-05	CÁM 6A.1	29 400		29 400		HỘ LỚN	
4	KDT HẢI PHÒNG	02/7	1681/7	12/7	BN 0766	CÁM 5A.1	1 250		1 250		PTCB	
5	KDT HẢI PHÒNG	01/7	1641/6	10/7	HP 4850	CÁM 5A.1	1 100		1 100		PTCB	GIA HẠN L1
6	KDT BẮC TRUNG BỘ	01/7	1648/6	10/7	NB 6619	CÁM 4B.1	1 300		1 300		PTCB	GIA HẠN L1
7	KDT MIỀN BẮC	01/7	1665/6	10/7	NAM KHÁNH 99	CÁM 6A.1	3 850		3 850		PTCB	GIA HẠN L1
8	KDT MIỀN BẮC	07/7	1693-B/7	17/7	VTA OCEANUS	CÁM 5A.1	15 000		15 000		PTCB	THAY TBGT SỐ 1693/7
9						CÁM 5B.1	5 000		5 000		PTCB	
10	KDT HẢI PHÒNG	03/7	1699/7	13/7	HP 5925	CÁM 5A.1	1 500		1 500		PTCB	
11	CROMIT THANH HÓA	04/7	1702/7	14/7	NGHI SƠN 88	CÁM 5A.1	3 120		3 120		PTCB	
12	KDT HẢI PHÒNG	06/7	1715/7	16/7	HP 5902	CÁM 5B.1	1 450		1 450		PTCB	
13	MẶT TRỜI VIỆT NB	01/7	1553/6	08/7	NB 8530	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	GIA HẠN L2
14	SÔNG HỒNG	01/7	1633/6	08/7	BN 1826	CÁM 4B.1	1 100		1 100		TD	GIA HẠN L1
15	COALIMEX	01/7	1593/6	08/7	BN 1818	CÁM 4B.1	1 982		1 982		TD	GIA HẠN L1
16	THAN MIỀN TRUNG	01/7	1656/6	08/7	Á ĐÔNG 36 (BN 1789)	CỤC XÔ 1C	1 500		1 500		TD	GIA HẠN L1
17	TRƯỜNG ANH 888	01/7	1635/6	08/7	QN 7535	CÁM 4B.1	1 100		1 100		TD	GIA HẠN L1
18	SXTM THAN ƯƠNG BÍ	01/7	1664/6	08/7	BN 1468	CÁM 4B.1	1 140		1 140		TD	GIA HẠN L1

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 8 THÁNG 7 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
19	ANH KHOA	01/7	1670/6	08/7	HD 2095	CÁM 4B.1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
20	ĐTTM&DV	01/7	1671/6	08/7	BN 2308	CÁM 4B.1	1 684		1 684		TD	GIA HẠN L1
21	THÁI SON HP	02/7	1683/7	09/7	BN 2366	CÁM 4B.1	1 930		1 930		TD	
22	DVVT QN	02/7	1538/6	09/7	BN 2556	CÁM 4B.1	1 600		1 600		TD	GIA HẠN L2
23	VIT	02/7	1652/6	09/7	BN 2776	CÁM 4B.1	1 720		1 720		TD	GIA HẠN L1
24	ĐTTM&DV	02/7	1688/7	09/7	HP 5097	CUC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
25	CP CATALAN	05/7	1706/7	12/7	BN 2678	CUC 5A.1	1 550		1 550		TD	
26	KDT MIỀN BẮC	06/7	1713/7	13/7	BN 2706	CÁM 4A.1	1 500		1 500		TD	THAY TBGT SỐ 1668/6
27	DVVT QN	07/7	1721/7	14/7	BN 1997	CUC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
Tàu chuyển tải							232 550	59 241	148 159			
Tàu đã làm hàng							22 400	22 425	- 25			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	25/6	421/6		VIỆT THUẬN 235-06	CÁM 6A.10	22 400	22 425	- 25	07/7	HỘ LỚN	CLM: 10.746,46 - KVCP: 5.230,09 - KDTCP: 6.448,31
Tàu dự kiến rút trong ngày							160 200	99 487	60 713			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN	07/7	427-B/7		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 000	21 096	1 904	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO:20.970,86 - KVCP:2.000
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	23/6	417/6		GOLDEN STAR	CÁM 6A.1	23 650	22 300	1 350	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 15.000 - KVCP: 8.650
3	ĐIỆN VŨNG ÁNG	30/6	439/6		QUANG VINH 188	CÁM 5A.14	22 800	17 160	5 640	RÓT DỖ	HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 - CLM: 12.800
4	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	23/6	415-B/6		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.1	41 250	13 000	28 250	RÓT DỖ	HỘ LỚN	KVCP: 11.250 - TTHG: 30.000
5	ĐIỆN DUYÊN HẢI	30/6	440/6		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.14	26 200	21 931	4 269	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
6	ĐIỆN VŨNG ÁNG	07/7	425-B/7		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 5A.10	23 300	4 000	19 300	RÓT DỖ	HỘ LỚN	CLM: 19.000 - KVDB:4.300
Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							74 750		49 600			
1	ĐIỆN DUYÊN HẢI	30/6	442/6		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.14	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTCO: 10.300 - TTHG: 16.000
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	06/7	448/7		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	25 150		25 150		HỘ LỚN	TTHG:20.000 - KVCP:5.150
II KHO G9-HÓA CHẤT							30 036	10 474	19 562			
Tàu đã làm hàng							4 229	4 199	30			
1	KDT CẦU ĐUÔNG	07/7	1729/7	17/7	HD 1062	CÁM 7C	1 712	1 698	14	07/7	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2	VT THỦY	01/7	1675B/7	09/7	BN 1626	CUC 1B	917	906	11	07/7	TD	NGUỒN ĐN-CS
3	XNK ANH KHOA	02/6	1689/7	09/7	BN 1239	CÁM 8A	1 600	1 595	5	07/7	TD	NGUỒN ĐN-CS
Tàu dự kiến rút trong ngày							9 330	6 275	3 055			
1	KDT CẦU ĐUÔNG	07/7	1732/7	17/7	BN 1826	CÁM 7C	1 130	682	448	RÓT DỖ	PTCB	
2	TRƯỜNG ANH 888	05/7	1709/7	12/7	HÀ DƯƠNG 09	CÁM 8A	3 000	2 285	715	RÓT DỖ	TD	
4	KDT CẦU ĐUÔNG	07/7	1737/7	14/7	BN 2203	CUC 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN TN
5	MV MICHALIS	01/7	3 430		CÁM PHẢ 20	TNK -ÚC	3 900	3 308	592	RÓT DỖ		

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 8 THÁNG 7 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm lệnh						16 477		16 477			
1	ĐT TM & DV	01/7	1657B/6	08/7	BN 2519	CUC 1A	1 150		1 150		TD	NGUỒN ĐN-CS
2	THAN SÔNG HỒNG	02/7	1658/6	09/7	BN 2228	CUC 1B	1 050		1 050		TD	NGUỒN CS
3	ĐT TM & DV	02/7	1659/6	09/7	BN 2646	CUC 1C	1 175		1 175		TD	NGUỒN MD
4	ĐT TM & DV	02/7	1662/6	09/7	BN 1309	CUC 1B	1 128		1 128		TD	NGUỒN CS
5	THAN MIỀN TRUNG	02/7	1677/7	09/7	TÚ LINH 89	CUC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
6	THAN MIỀN NAM	02/6	1690/7	09/7	TẤN HẢI 68	CÁM 8A	1 700		1 700		TD	NGUỒN ĐN-CS
7	ĐT TM & DV	07/7	1722/7	14/7	BN 1829	CÁM 8A	1 650		1 650		TD	NGUỒN ĐN-CS
8	MẶT TRỜI VIỆT	07/7	1723/7	14/7	NB 2952	CÁM 8A	1 040		1 040		TD	NGUỒN ĐN-CS
9	ĐT TM & DV	07/7	1730/7	14/7	BN 1879	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
10	MV ALEXANDRIS	06/7	3 463		CỬA ỚNG 19	TNK - NAM PHI	2 100		2 100			
11	MV ALEXANDRIS	07/7	3 489		ĐÔNG BẮC 26	TNK - NAM PHI	3 484		3 484			
III	KHO BẢO NGUYỄN						3 904	-	3 904			
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu dự kiến rút trong ngày											
	Tàu đã làm lệnh						3 904		3 904			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	28/6	431/6	8/7	HN 0259	CÁM 5B.14	3 904		3 904		HỘ LỚN	
IV	KHO CẢNG KM6						44 264	13 120	31 144			
	Tàu đã làm hàng						10 653	10 612	41			
1	KDT MIỀN BẮC	03/7	1697	13/7	NB 8955	Cám 5b.1	3 040	3 032	8	07/7	PTCB	
2	KDT HẢI PHÒNG	05/7	1707	15/7	HD 1213	Cám 5b.1	2 230	2 225	5	07/7	PTCB	
3	KDT HẢI PHÒNG	05/7	1708	15/7	BN 2638	Cám 5b.1	1 923	1 917	6	07/7	PTCB	
2	KDT HẢI PHÒNG	06/7	1714	16/7	HP 6955	Cám 6a.1	1 850	1 842	8	07/7	PTCB	
5	KVĐB	04/7	1 705	12/7	QN 8233	Cám 6b.1	1 610	1 596	14	07/7	CHUYỂN VÙNG	
	Tàu dự kiến rút trong ngày						6 346	2 508	3 838			
1	KDT MIỀN BẮC	06/7	1710	16/7	NĐ 4349	Cám 5b.1	2 350		2 350		PTCB	
2	KDT MIỀN BẮC	06/7	1716	16/7	HP 5915	Cám 6b.1	2 376	1 385	991	RÓT DỖ	PTCB	
3	VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN	07/7	1 724	14/7	QN 8660	Bùn 3c	1 620	1 123	497	RÓT DỖ	TD	
	Tàu đã làm lệnh						27 265		27 265			
1	KDT HẢI PHÒNG	06/7	1711	16/7	QN 9379	Cám 5b.1	1 920		1 920		PTCB	
2	KDT BẮC TRUNG BỘ	06/7	1718	16/7	HUY HOÀNG 838	Cám 5a.1	3 150		3 150		PTCB	
3	XNK THAN - VINACOMIN	06/7	1719	16/7	THANH BÌNH 05	Cám 6a.1	3 050		3 050		PTCB	

PHÒNG DKSX

NGÀY 8 THÁNG 7 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
4	CROMIT THANH HÓA	06/7	1720	16/7	MINH HẰNG 36	Cám 5a.1	4 050		4 050		PTCB	
5	KDT MIỀN BẮC	07/7	1725	17/7	BN 2662	Cám 5b.1	1 950		1 950		PTCB	
6	KDT MIỀN BẮC	07/7	1726	17/7	HY 0818	Cám 5a.1	2 830		2 830		PTCB	
7	KDT MIỀN BẮC	07/7	1727	17/7	HOÀNG ANH 39	Cám 6a.1	2 970		2 970		PTCB	
8	KDT MIỀN BẮC	07/7	1728	17/7	BN 2728	Cám 6b.1	2 585		2 585		PTCB	
9	KDT MIỀN BẮC	07/7	1733	17/7	AN BÌNH 99	Cám 6a.1	1 170		1 170		PTCB	
						Cám 6b.1	2 340		2 340		PTCB	
10	TM DV VINACOMIN	07/7	1731	14/7	BN 0766	Don 8a	1 250		1 250		TD	
V	TÀU XUẤT KHẨU						2 880	-	2 880			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						2 880		2 880			
1	LÀO	19/6	56/6/XK		AN BÌNH 99	CỤC 2B.2	880		880			
2	LÀO	19/6	56/6/XK		AN BÌNH 99	CỤC 4B.3	2 000		2 000			
VI	TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				53 000	25 924	27 076			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
1	ÚC		CLM		MV MICHALIS		20 000	20 344	- 344	06/7		TTCO: 10.000 - KVCP: 10.000
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						35 000	25 924	9 076			
1	NAM PHI		CLM		MV ALEXANDRIS		15 000	5 580	9 420	BỐC ĐỎ		KVCP: 15.000
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						18 000		18 000			
1	ÚC		CLM		MV GLORY ALBATROSS		18 000		18 000			TTCO: 18.000

